

MỘT SỐ VẤN ĐỀ XÃ HỘI CỦA NGƯỜI GIÀ Ở GÓA TRONG QUAN HỆ GIA ĐÌNH VÀ CỘNG ĐỒNG

VŨ HOA THẠCH

1. Mở đầu

Ở nước ta, từ xa xưa người ta thường nói: “Con chăm cha không bằng bà chăm ông”, vì vậy trên thực tế, với những người cao tuổi ở góa, cuộc sống của họ chẳng thể là bình thường chút nào. Họ đã thực sự mất đi sự quan tâm, động viên và chăm sóc qua lại gần gũi nhất mà chỉ người đời của họ mới có thể đem lại.

Người ta còn nói: “Trẻ cậy cha, già cậy con”. Nhưng trong bối cảnh kinh tế thị trường ngày nay, một mặt dòng người ở độ tuổi lao động dời gia đình và bố mẹ già đi tìm việc nơi khác ngày một tăng. Mặt khác, quá trình hạt nhân hóa gia đình đang phá vỡ các quy mô gia đình truyền thống vẫn được coi như là một chỗ dựa của người già khi tuổi cao sức yếu. Trong tình hình này, liệu người già và đặc biệt là người già góa bụa có còn nhờ cậy vào con cái được không?

Trong xã hội Việt Nam truyền thống, người cao tuổi sống trong một cộng đồng “trọng xỉ” và các sinh hoạt làng xã với phương châm làng xóm “tối lửa tắt đèn có nhau”. Ngày nay, quá trình đô thị hóa đang dần dần thay đổi các khuôn viên cư trú bằng những hộp bê tông đúc sẵn và cùng với nó là các quan hệ kiểu thị dân “Đèn nhà ai nhà ấy rạng”. Trong môi trường đó, hoàn cảnh của người già và đặc biệt là của người già góa bụa sẽ ra sao?

Gần đây, trong dư luận xã hội cũng như trong nghiên cứu khoa học vẫn còn nhiều những ý kiến khác nhau về thực trạng đời sống người già và người già góa bụa hiện nay. Có nhiều ý kiến khá bi quan đồng thời cũng có những ý kiến lạc quan.

Vì vậy, từ những bằng chứng xác thực của những nghiên cứu xã hội học gần đây do Viện Xã hội học tiến hành tại 7 tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng, chúng tôi mong muốn sẽ phác lên được những nét đầy đủ về đời sống của người cao tuổi ở góa hiện nay: Các thói quen sinh hoạt hàng ngày, các nghĩ suy và nguyện vọng, tình trạng sức khỏe và chăm sóc sức khỏe, các quan hệ của họ trong sinh hoạt gia đình và cộng đồng.

Từ đó, chúng tôi muốn đề cập tới một số khía cạnh khác thuộc vấn đề về chính sách xã hội và các dịch vụ xã hội với người cao tuổi, đặc biệt là đối với những người góa bụa ngày nay.

2. Hoàn cảnh hôn nhân và thái độ của người già đối với vấn đề ở góa.

Trên bảng 1 chúng ta thấy tỷ lệ người già góa bụa tại 7 tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng là rất cao (38,1%). Nếu nhìn theo khu vực cư trú thì tỷ lệ này ở các vùng nông thôn (41,2%) cao hơn hẳn ở các thị xã và các thành phố (32,8%) và Hà Nội (36,2%). Còn nếu căn cứ vào tỉ lệ số người già ở góa theo độ tuổi thì ta thấy tốc độ gia tăng giữa các thang tuổi là rất nhanh: cứ sau 10 năm tuổi thì lại có thêm khoảng 20% tổng số người già rơi vào tình cảnh góa bụa. Tình hình này diễn ra gần như đồng đều ở cả nông thôn và đô thị.

Bảng 1: Người già góa bụa vùng đồng bằng sông Hồng
(Tương quan độ tuổi theo khu vực cư trú và giới tính) (%).

	Chung	60 – 69	70 – 79	80 ⁺
Nông thôn	41,2	23,1	51,8	59,0
Thị xã	32,8	18,9	28,9	52,2
Hà Nội	36,2	13,7	40,2	55,1
Nam	18,4	6,2	19,0	32,3
Nữ	57,2	33,1	61,6	79,3
Chung	38,1	19,9	39,7	56,9

Cũng như ở mọi quốc gia trên thế giới, tỉ lệ góa không phân chia đồng đều theo giới tính. Số phụ nữ góa chồng luôn luôn đông hơn số đàn ông góa vợ. Điều đó cũng có nghĩa là tuổi thọ trung bình của phụ nữ luôn cao hơn hay nói cách khác, người phụ nữ có nhiều cơ hội sống tới trăm tuổi hơn hẳn đàn ông. Nếu như ở các nước phát triển⁽¹⁾, tỷ lệ người già sống trong cảnh góa bụa vào khoảng 25% ở đàn ông và 50% ở phụ nữ, thì tỷ lệ tương ứng qua điều tra ở đồng bằng sông Hồng là 18,4% và 57,2%.

Bảng 1 còn cho chúng ta thấy tỷ lệ số phụ nữ 60 tuổi trở lên ở góa tăng lên rất nhanh theo các thang tuổi mười năm một (31,1%, 61,6% và 79,3%). Trong khi đó các tỉ lệ tương ứng ở nam giới là: 6,2%, 19,0% và 32,2%. Có thể đưa ra nhiều bằng chứng về sự khác biệt giới tính để giải thích cho thực tế trên. Song, một điều hiển nhiên về mặt xã hội là người đàn ông luôn lấy vợ kém tuổi mình và hơn nữa họ có nhiều khả năng tái kết hôn sau khi góa vợ hơn là những người phụ nữ nhiều góa chồng. Do đó, phải chăng vấn đề ở góa là vấn đề liên quan đến người phụ nữ nhiều hơn là đến người đàn ông? Và cách nói ngược lại “chăm bà không bằng một ông” lại tỏ ra là đã phản ánh một thực tiễn phổ biến hơn là cách nói xuôi?

Theo kết quả điều tra, trong số những người đã từng kết hôn từ hai lần trở lên thì ở đàn ông (24,2%) có tỷ lệ cao hơn ở phụ nữ (15,2%). Mặc dù, những chỉ báo về số lần kết hôn

⁽¹⁾ Theo: *Các khía cạnh Nhân khẩu học của già hóa dân cư và các ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội, chính sách và kế hoạch*. Kỷ yếu hội thảo, Viện Quốc tế về Già hóa dân cư – Malta – 1994, tr. 93.

chưa thể phản ánh chính xác về thực trạng tái hôn ở độ tuổi 60+, nhưng nó gợi ý với chúng ta về một tỉ lệ tái hôn ở người già nước ta còn thấp hơn rất nhiều so với những con số kể trên.

Bảng 2 Kết hôn 2 lần trở lên trên tổng số mẫu điều tra
(Theo khu vực cư trú và giới tính) (%)

Chung	Nông thôn	Đô thị	Nam	Nữ
19,7	23,2	15,8	24,2	15,2

Thái độ của người già về vấn đề tái hôn cũng là một biểu hiện về nguyên nhân của tình trạng tỉ lệ người già ở góa rất cao hiện nay. Qua câu hỏi “nên chăng những người cao tuổi ở góa có thể kết bạn với những người khác giới”, chúng ta thấy đại bộ phận các cụ đều bày tỏ thái độ phản đối cho rằng nên ở vậy cùng các con thì hơn. Một số ít ý kiến đồng tình nhưng chỉ giới hạn cho phép đối với các cụ thuộc trường hợp cô đơn không nơi nương tựa. Đi sâu hơn bằng những câu hỏi tách riêng cho hai giới chúng ta thấy quan niệm của người già về vấn đề kết bạn khác giới đối với đàn ông góa vợ (15,2% đồng ý) ít khắt khe hơn nhiều đối với phụ nữ góa chồng (10,8% đồng ý). Ngược lại, tỷ lệ không đồng ý đối với nam giới là 68,6% và đối với nữ giới là 77,3%.

Bảng 3. Thái độ và vấn đề người già ở góa kết bạn với người khác giới
(Đối với nam và nữ theo độ tuổi, giới tính và khu vực cư trú) (%)

	Đối với nam ở góa		Đối với nữ ở góa	
	Đồng ý	Không	Đồng ý	Không
<i>Chung:</i>	15,2	68,6	10,8	77,3
<i>Tuổi:</i>				
- 60 – 69	17,5	70,6	11,7	76,7
- 70 – 79	15,1	70,0	10,7	79,2
- 80+	12,9	67,8	7,0	81,2
<i>Giới:</i>				
- Nam	17,3	67,4	14,5	73,3
- Nữ	13,2	69,7	7,0	81,2
<i>Khu vực cư trú:</i>				
- Nông thôn	9,4	78,8	6,7	84,1
- Thị xã	16,2	61,9	10,5	73,8
- Hà Nội	26,3	54,2	19,2	66,7

Bảng 3 cho chúng ta thấy rõ hơn về thái độ của người đối với người già ở góa kết bạn với một người khác giới. Tỷ lệ các cụ ông đồng tình với việc kết bạn khác giới của người ở góa (kể cả đối với đàn ông và đàn bà) đều cao hơn hẳn tỷ lệ các cụ bà. Nếu so sánh theo khu vực cư trú chúng ta cũng thấy người già ở thành thị có thái độ cởi mở hơn so với các cụ ở nông thôn.

Đôi theo các thang tuổi khác nhau chúng ta không thấy những khác biệt quá chênh lệch nào về mặt thái độ. Tuy nhiên, ở đây cũng có điều đáng lưu ý là các cụ già càng ở tuổi cao thì càng thờ ơ hơn đối với việc biểu lộ ý kiến đồng tình hay không đồng tình của mình đối với việc người già ở góa kết bạn khác giới. Bằng chứng của sự việc này được thấy ở tỷ lệ người già không có ý kiến hoặc không trả lời tăng lên theo độ tuổi.

3. Sắp xếp cuộc sống: thực tế và nguyện vọng

Một khía cạnh khác của vấn đề có liên quan đến đời sống người cao tuổi mà chúng tôi muốn đề cập thêm ở đây, đó là quy mô hộ gia đình đang ngày càng có xu hướng nhỏ dần ở Việt Nam hiện nay. Hơn nữa, tại một số hộ gia đình, thành viên của nó chỉ còn có duy nhất một người già. Thực tế trở trêu đó nhiều khi làm cho chúng ta băn khoăn: liệu có thể gọi đó là một hộ gia đình được nữa không?

Bảng 4 cho chúng ta thấy số hộ gia đình có người già gồm 5 – 6 người chiếm tỷ lệ cao nhất (32,8%). Số hộ chỉ có hai người là 14,0% và số hộ chỉ có một mình người già là 4,9%. Số hộ gia đình có 2 người, 3 – 4 người và 5 – 6 người ở đô thị đều có tỷ lệ cao hơn ở nông thôn. Nhưng số hộ gia đình có từ 7 người trở lên thì ở nông thôn lại cao hơn đô thị. Đặc biệt, số người già sống cô đơn một mình trong một ngôi nhà ở đô thị lại thấp hơn nhiều (dưới 1,5%) so với ở nông thôn (5,7%). Tuy nhiên, nếu xét trên tổng thể thì người già hiện nay đa số vẫn sống chung với các con hoặc gia đình một người con.

Bảng 4. Số người cùng sống trong ngôi nhà (Theo khu vực cư trú) (%)

	1 người	2 người	3 – 4 người	5 – 6 người	Hơn 7
Chung	4,9	14,0	25,7	32,8	22,5
Nông thôn	5,7	13,7	24,1	32,7	23,8
Thị xã	0,7	15,5	37,6	31,8	14,5
Hà Nội	2,1	16,1	27,0	35,8	19,0

Từ thực tế sống chung nêu trên, chúng ta thử so sánh với nguyện vọng sắp xếp cuộc sống của người già hiện nay đồng thời tìm hiểu về sự khác biệt giữa hai nhóm: nhóm hôn nhân đầy đủ và nhóm ở góa.

Bảng 5 cho thấy nguyện vọng sắp xếp cuộc sống của người cao tuổi trong xu hướng hạt nhân hóa gia đình hiện nay. Một điều rất lí thú đã được phản ánh qua các số liệu ở đây.

Bảng 5. Nguyện vọng sắp xếp cuộc sống gia đình (theo hoàn cảnh hôn nhân) (%)

	Chung	Hôn nhân đầy đủ	Góa
- Sống & ăn chung với nhiều gia đình con.	0,7	1,0	0,2
- Sống & ăn chung với 1 gia đình con.	47,4	39,9	61,1
- Sống chung với 1 gia đình con & ăn riêng.	18,1	20,4	14,5
- Sống riêng biệt nhưng gần con.	30,5	36,2	20,7
- Khác	3,3	2,5	3,5
	100,0	100,0	100,0

Mô hình gia đình truyền thống nhiều thế hệ tương chừng như một pháo đài cuối cùng đảm bảo cho cuộc sống ổn định của người già thì nay lại bị chính các cụ phá bỏ. Chỉ có 0,7% số người già có mong muốn sống trong kiểu mô hình gia đình truyền thống. Quá nửa trong số họ muốn sống với một gia đình người con và chủ yếu là với gia đình một người con trai đã có vợ (65,5%). Đặc biệt, 30,5% số người già đã bày tỏ nguyện vọng muốn sống riêng biệt với lập hẳn với con cái. Tỷ lệ này nhiều hơn hẳn tỷ lệ số người già hiện đang sống riêng biệt với con cái như đã nêu ở phần trên. Điều này có nghĩa rằng không ít số người cao tuổi hiện đang sống chung cùng con cái mong muốn có một cuộc sống riêng biệt.

Nếu so sánh hai nhóm hôn nhân đầy đủ góa bụa chúng ta thấy cũng có những khác biệt đáng kể giữa hai nhóm về nguyện vọng sắp xếp cuộc sống. Ở đây, chúng ta lại thấy một xu hướng gần như là ngược lại. Nếu như ở nhóm hôn nhân đầy đủ tỷ lệ người già có nguyện vọng sống riêng biệt là rất cao thì ở nhóm người già góa bụa, xu hướng có nguyện vọng quay trở lại sống với một gia đình người con lại tăng lên. Các số liệu ở bảng 5 cho thấy, ở nhóm hôn nhân đầy đủ, nguyện vọng sống chung và ăn chung với một gia đình người con là 39,9%, sống chung và ăn riêng là 20,4%, sống riêng biệt là 36,2% thì ở nhóm góa bụa có các tỷ lệ tương ứng là 61,1%, 14,5% và 20,7%.

Xu hướng này cũng đã được phản ánh rất rõ ngay trong nhóm hôn nhân đầy đủ đang có nguyện vọng sống riêng biệt với con cái khi họ được hỏi về ý định sắp xếp cuộc sống trong tương lai khi không may một trong hai người vợ chồng họ mất sớm hơn. Đại bộ phận trong số họ đều trả lời là sẽ quay trở về sống cùng với con cháu cho vui vẻ hơn và để có thể có được những điều kiện chăm sóc tốt hơn. Điều này còn được thể hiện khá rõ nét khi chúng ta xem xét nguyện vọng sống riêng của người già căn cứ theo các thang tuổi. Tỷ lệ người già muốn sống

độc lập khỏi con cái cao nhất ở độ tuổi 60 – 90 (38,5%) và giảm đi rất nhiều ở độ tuổi 80 trở lên (17,4%).

Cả hai xu hướng có vẻ như mâu thuẫn ở trên theo chúng tôi lại hoàn toàn có tính hợp lý của chúng khi ta xem xét sự việc theo diễn biến của thời gian. Khi còn sức khỏe và khả năng lao động, nhất là khi con cái họ đều đã trưởng thành và có gia đình riêng, người già mong muốn được tách ra để có cuộc sống độc lập với con cái. Nhưng khi đã tuổi cao sức yếu và hơn nữa khi một trong số hai vợ chồng không may qua đời thì người còn lại sẽ có xu hướng quay trở lại sống chung với con cháu.

Chính vì vậy, chúng ta có thể thấy những xu hướng kể trên đã phản ánh một thực tế là gia đình người con luôn đóng một vai trò rất lớn trong việc giúp đỡ và chăm sóc cha mẹ già nhất là khi một trong hai người bố hoặc mẹ của họ mất đi. Do đó, ngay đối với những người già có nguyện vọng ở riêng, họ cũng không muốn ở quá xa và thậm chí ở riêng nhưng phải thật gần với gia đình các con.

Vai trò của gia đình con cái đối với người già và đặc biệt là người già góa bụa sẽ càng được rõ ràng hơn khi chúng ta xem xét đến vấn đề sức khỏe và chăm sóc sức khỏe của người già tại gia đình.

4. Sức khỏe và chăm sóc sức khỏe

Với số liệu ở bảng 6, chúng ta thấy đại bộ phận người già (85,8%) đều tự cho rằng sức khỏe của họ thuộc loại trung bình hoặc kém.

Nhưng số người già tự đánh giá sức khỏe là tốt và trung bình có tỉ lệ giảm dần theo độ tuổi và số người tự đánh giá sức khỏe là kém lại tăng lên rất nhanh. Ở độ tuổi 60 tỉ lệ số người già cho rằng sức khỏe mình ở mức độ tốt trở lên là 16,1%, trung bình là 49,0% và kém là 34,9%. Nhưng ở độ tuổi trên 80 thì các tỉ lệ tương ứng là 8,6%, 26,9% và 62,7%. Kết quả tự đánh giá này hoàn toàn phù hợp với thực tế biểu hiện bệnh tật ở người già theo độ tuổi. Khi khảo sát về tần suất lặp lại của các biểu hiện bệnh lí ở người già, chúng ta thấy cùng với sự tăng lên của tuổi tác là sự xuất hiện càng thường xuyên hơn của bệnh tật.

Bảng 6. Tự đánh giá sức khỏe của bản thân
(Theo tuổi, giới tính, khu vực cư trú) (%)

	Rất tốt	Tốt	Trung bình	Kém
<i>Chung:</i>	0,2	13,8	43,2	42,6
<i>Tuổi:</i>				
60 – 69	0,1	16,0	49,0	34,9
70 – 79	0,4	11,0	36,7	51,8

80 ⁺	0,3	8,3	26,9	62,7
<i>Giới:</i>				
Nam	0,4	22,9	44,3	32,4
Nữ	0,1	7,3	42,4	49,8
<i>Khu vực cư trú:</i>				
Nông thôn	0,1	12,7	42,6	44,4
Thị xã	0,3	17,5	46,7	35,4
Hà Nội	1,1	20,3	44,9	32,9

Sự khác biệt về sức khỏe theo giới tính cũng được thể hiện khá rõ ở đây. Số phụ nữ cho rằng sức khỏe của mình thuộc loại kém (49,8%) có tỉ lệ cao hơn ở nam giới (32,4%) và ngược lại sức khỏe thuộc loại từ trung bình trở lên ở nữ (49,8%) lại có tỉ lệ thấp hơn nhiều ở đàn ông (67,6%).

Có sự khác biệt đáng lưu ý trong tự nhận định về sức khỏe bản thân theo khu vực cư trú. Tỉ lệ tự đánh giá sức khỏe là yếu ở khu vực nông thôn (44,4%) cao hơn ở khu vực các thị xã (35,4%) và ở Hà Nội (32,9%). Điều này chứng tỏ rằng mặc dù sống gần thiên nhiên với không khí trong sạch hơn nhưng các điều kiện sống và chăm sóc sức khỏe của người già nông thôn kém hơn so với các khu vực thị xã và Hà Nội.

Với hiện trạng tình hình sức khỏe người già hiện nay như vậy, chúng ta thử xem xét về hành vi và thái độ của người già, đồng thời của con cái họ đối với họ trong việc chăm sóc sức khỏe.

Bảng 7. Khám chữa bệnh như thế nào khi ốm (%)

	Chung
- Đến trạm xá	15,5
- Đến bệnh viện Tây y	15,2
- Đến nhà y/bác sĩ tư	8,2
- Y/bác sĩ tư đến nhà	11,7
- Nhờ người quen/quen	9,7
- Đến Đông y	1,2
- Không tự khám, tự thuốc	31,8
- Không khám, không thuốc	5,3
- Khác	1,2

Bảng 7 cho thấy việc khám chữa bệnh của người già khi đau ốm hiện nay như thế nào. Hơn 1/3 số người già thường chỉ theo thói quen mà tự mua thuốc về uống và khi có triệu

chúng ốm đau chứ không đến kiểm tra trước tại các cơ sở y tế. Hơn 1.3 khác, thường đến các phòng khám hoặc bệnh viện Tây y. Tỷ lệ người già đi khám tại các cơ sở Đông y là rất ít (12%).

Ở độ tuổi càng cao thì người già càng ngại đi khám chữa bệnh hơn. Do đó tuy dịch vụ khám chữa bệnh tại nhà mới chỉ xuất hiện gần đây song lại được không ít người già chấp thuận. Hơn nữa, càng về già người ta càng thích lựa chọn theo cách mời bác sĩ đến tận nhà để khám (11,7%).

Một cách lựa chọn khác cũng đang được người già, đặc biệt là những người già ở nông thôn ưa thích là nhờ những y, bác sĩ là người thân quen trong họ hàng, xóm giềng đến nhà thăm bệnh và cho đơn thuốc (9,7%). Bằng cách này, họ có thể giảm được khá nhiều các khoản chi phí cho mỗi lần đi khám bệnh tại các cơ sở y tế bên ngoài.

Đặc biệt có 5,3% người già trả lời rằng khi đau ốm không đi khám cũng chẳng uống thuốc. Phải chăng tỷ lệ này chỉ là một sự trùng hợp ngẫu nhiên với tỷ lệ người già hiện nay đang ở độc thân (4,9%) như số liệu ở mục 2 đã nêu ra? Điều này cần được các nhân viên y tế tại địa phương quan tâm tới.

Ở các phương án trả lời cho hai câu hỏi: “Ai là người giúp đỡ gần nhất khi đau ốm?” và “Ai giúp đỡ tài chính chủ yếu trong việc trang trải các chi phí thuốc men và chữa bệnh?” đã cho chúng ta thấy vai trò của con cái là rất lớn trong việc chăm sóc sức khỏe bố mẹ già.

Trùng hợp với việc tỷ lệ người già ở góa tăng lên theo các thang tuổi là việc giảm đi nhanh chóng của các tỷ lệ khẳng định về vai trò giúp đỡ của vợ hoặc chồng khi đau ốm. Thay vào đó chính là vai trò của con cái tăng lên rõ rệt, đặc biệt là đối với những người già từ độ tuổi 75 trở lên mà chúng ta thường gọi là lớp già của già (Old – old person). Tình hình diễn ra hết như vậy đối với câu hỏi: “Ai là người giúp đỡ tình cảm, tinh thần gần gũi nhất?”.

5. Các hoạt động giải trí và tham gia cộng đồng

Trong các hoạt động giải trí, những hình thức sinh hoạt có tính chất hưởng thụ cá nhân được người già tham gia thường xuyên hơn là các sinh hoạt có tính chất nhóm và cộng đồng. Xem tivi là hình thức giải trí cá nhân được nhiều người già ưa chuộng nhất (66,2% xem và 50,7% xem hàng ngày). Sau đó là nghe radio (45,1% nghe và 37,2% nghe hàng ngày). Đọc sách, báo là một hoạt động giải trí đòi hỏi cần có những kiến thức và mức học vấn nhất định. Do đó, tỷ lệ người già đọc sách, báo, tạp chí là rất ít so với các hình thức giải trí khác (11,1% đọc và 6,8% đọc hàng ngày).

Mặc dù người già tham gia những hình thức sinh hoạt có tính chất nhóm ít thường xuyên hơn nhưng thường lại có số người tham gia đông hơn. Sang chơi thăm nhà hàng xóm là

hoạt động phổ biến nhất (83,8% có và 40,5% có hàng ngày). Sau đó là đi thăm họ hàng (75,8% có và 30,9% có hàng ngày) và thăm bạn bè, đồng nghiệp (32,0% có và 4,0% có hàng ngày).

Các hình thức sinh hoạt cộng đồng có tính chất phi chính thức như cưới hỏi, cúng giỗ, lễ hội, chùa chiền và đặc biệt ma chay là những hoạt động nhiều người già tham gia nhất. Còn đối với các sinh hoạt cộng đồng có tính chất chính hơn như Hội phụ nữ, Hội bảo thọ, Mặt trận tổ quốc...mặc dù có tên trong bảng danh sách các hội viên nhưng thực chất không được người già quan tâm nhiều lắm.

Bảng 8. Mức độ tham gia hoạt động truyền thống và xã hội
(Theo độ tuổi) (%)

	60 – 69	70 – 79	80 ⁺
Xem tivi	64,0	52,4	40,5
Nghe Radio	37,2	15,9	23,0
Đọc báo, sách...	1,2	0,0	0,0
Thể thao	0,0	1,2	0,0
Thăm bạn bè	32,6	23,2	13,5
Thăm hàng xóm	91,9	79,3	63,5
Thăm họ hàng	89,5	73,2	58,1
Câu lạc bộ	2,3	0,0	0,0

Tuổi càng cao, người già càng ít tham gia hơn vào các hoạt động truyền thống và xã hội.

Bảng 9. Sinh hoạt giải trí và tham gia cộng đồng
(Theo hoàn cảnh hôn nhân) (%)

	Hôn nhân		Góa bụa	
	Có	Hàng ngày	Có	Hàng ngày
Xem tivi	70,4	56,0	58,1	41,1
Nghe Radio	53,6	46,8	29,0	19,8
Đọc báo, sách...	15,0	9,0	3,8	2,8
Thể thao	3,2	2,9	0,7	0,6
Thăm bạn bè	33,2	4,4	29,4	3,4
Thăm hàng xóm	85,1	43,8	81,6	35,4
Thăm họ hàng	77,3	35,3	73,2	23,9
Câu lạc bộ	4,7	0,5	3,4	0,0

Theo số liệu ở bảng 9, chúng ta thấy nhóm người già góa bụa ít tham gia hơn so với nhóm người già hôn nhân đầy đủ trên tất cả các hình thức sinh hoạt giải trí cũng như các hoạt động tham gia xã hội. Chính vì vậy, khi được hỏi về vai trò của người già trong cộng đồng và xã hội ngày nay, tỉ lệ người già góa bụa trả lời là: “Gần như không có một vai trò gì cả” cao hơn tỉ lệ những người trong nhóm hôn nhân đầy đủ.

6. Kết luận

1. Người già góa bụa ở vùng đồng bằng sông hồng có một tỉ lệ cao hơn trong tương quan với tỉ lệ chung của nhiều nước trên thế giới. Đặc biệt, tỉ lệ góa bụa ở phụ nữ quá cao. Ngoài những nguyên nhân về mặt xã hội, tình hình đó còn có nguyên nhân từ hậu quả tất yếu của mấy chục năm chiến tranh bảo vệ đất nước.

2. Sự phát triển nhanh chóng về kinh tế, xã hội và văn hóa hiện nay đang tạo ra những thay đổi rất lớn trong cấu trúc, quy mô và chức năng của gia đình. Nhưng những thay đổi đó lại không có tác động ảnh hưởng là bao nhiêu đến dư luận xã hội cũng như tới thái độ của bản thân người già đối với việc tái kết hôn ở những người góa.

3. Hiện nay, người già nói chung và người già góa bụa đang phải đối diện với những mâu thuẫn tất yếu khó tránh khỏi khi vai trò truyền thống của gia đình trong việc chăm sóc và giúp đỡ người già đang chịu nhiều sức ép về cả kinh tế, xã hội và tâm lí. Tuy nhiên, cũng như tình hình diễn ra tại các nước khác trong khu vực, gia đình vẫn là nguồn trợ giúp cơ bản của người già cả về điều kiện vật chất, tinh thần cũng như trong chăm sóc sức khỏe.

4. Người già ở góa có xu hướng co lại trong những hoạt động có tính chất sinh hoạt cá nhân nhiều hơn là các hoạt động mang tính tập thể và cộng đồng. Điều này, thể hiện sự yếu kém của các tổ chức hội hay câu lạc bộ của người già hiện nay. Hội bảo thọ là tổ chức hội mang tính phổ biến nhất của người già tại các địa phương nhưng hoạt động của Hội lại chủ yếu lo toan đến việc tham hỏi ốm đau và nghi lễ tang ma nhiều hơn là đến cuộc sống thực tại của các hội viên của nó.

Vấn đề thu hút sự tham gia của người già, cũng như của những người già ở góa vào các tổ chức xã hội khác nhau của người già thực sự đang là một khó khăn lớn đối với các nhà tổ chức và nhà quản lý trong hoàn cảnh hiện nay. Đặc biệt là ở các vùng nông thôn, các tổ chức nói trên không thể không hoạt động tốt khi chưa có được một sự quan tâm động viên đúng mức từ phía Nhà nước và chính quyền địa phương cả về điều kiện vật chất lẫn hình thức và nội dung sinh hoạt.